UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin tổng quát**

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **An toàn lao động và vệ sinh môi trường (2+0)** |
| - Tên tiếng Anh:Work safety and Environmental sanitation |
| - Mã học phần: MT324 |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Cơ bản ❑ Cơ sở ngành 🗹Chuyên ngành ❑ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| - Số tín chỉ: 2  |
| + Số tiết lý thuyết: 30 |
| + Số tiết thực hành:  |
| - Project: 0 |
| - Tự học: 180 tiết+ Đọc tài liệu: 90 tiết+ Làm bài tập: 90 tiết+ Hoạt động khác (nếu có): 0 |
| - Học phần tiên quyết: không |
| - Học phần học trước: không |

**2. Mô tả học phần**

Học phần đề cập đến những khái niệm cơ bản liên quan đến lao động (điều kiện lao động, tai nạn lao động, mối nguy,…), bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh môi trường; Học phần cũng cung cấp các kiến thức về quản lý rủi ro trong lao động, đánh giá mức độ an toàn của một cơ sở/doanh nghiệp. Đi sâu vào phân tích các kỹ thuật an toàn lao động, kỹ thật vệ sinh môi trường giữ gìn môi trường làm việc, biện pháp phòng chống ô nhiễm, giải pháp cho tương lai để ngăn ngừa tai nạn lao động và giảm thiểu bệnh nghề nghiệp; Học phần cũng cung cấp kiến thức về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001

**3. Mục tiêu học phần**

 Giúp cho người học đánh giá được tình trạng của điều kiện lao động (ĐKLĐ) mà ở tình trạng đó gây nguy hại cho Người lao động (NLĐ). Từ đó đề xuất các biện pháp và phương tiện về tổ chức, kỹ thuật, vệ sinh nhằm phòng ngừa tác động của yếu tố có hại trong SX đối với NLĐ và ngăn chặn sự tác động của các yếu tố môi trường đến sức khỏe con người.

Rèn luyện cho người học các kỹ năng như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, đưa ra các giải pháp khắc phục lỗi, tư duy phân tích và tư duy phản biện.

**4. Nguồn học liệu**

***Tài liệu bắt buộc:***

[1] Nguyễn Thế Đạt, 2005. *Giáo trình an toàn lao động*. NXB Giáo Dục – Hà Nam.

[2] Nguyễn Bát Can, 1982. *Vệ sinh lao động*. NXB Y Học – TP.HCM.

[3] Tài liệu giảng dạy của Giảng viên.

***Tài liệu không bắt buộc:***

[4] Bùi Thị Kim Ngân, 2012. *Bộ luật lao động 201*2. NXB Hồng Đức.

[5] Diệp Thành Nguyên, 2014. *Giáo trình luật lao động cơ bản*. Trường ĐH Cần Thơ.

[6] Luật bảo vệ môi trường, 2007. NXB tổng hợp TPHCM.

[7] Các Bộ Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp lý khác liên quan đến An toàn Lao động và Vệ sinh Môi trường.

[8] Sở lao động –thương binh và xã hội Tỉnh Bình Dương, 2016. Tài liệu triển khai luật và các văn bản quy phạm pháp luật.

***Tài nguyên khác:***

[9] *(các bài phóng sự, báo cáo khoa học. các trang web chuyên ngành…)*

**5. Chuẩn đầu ra học phần**

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra** **của CTĐT theo mức độ sau**:

**N** : Không đóng góp/không liên quan

**S** : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H** : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp** |
|  | **Sản xuất sạch hơn** | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 | ELO11 |
| **S** | **H** | **H** | **H** | **S** | **N** | **S** | **H** | **S** | **S** | **H** |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | **CĐR của CTĐT****(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1  | Giải thích các khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến lao động, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh môi trường lao động. | ELO1, ELO2, ELO3, ELO4 |
| CELO2 | Xác định và phân tích những vấn đề chung về bảo hộ lao động, an toàn và vệ sinh lao động. | ELO1, ELO2, ELO3, ELO4 |
| CELO3 | Phân biệt được các biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và kỹ thuật vệ sinh môi trường công nghiệp. | ELO1, ELO2, ELO3,ELO4 |
| Kỹ năng | CELO4 | Vận dụng tốt kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình một vấn đề về tình hình an toàn và vệ sinh môi trường lao động trong một số ngành nghề sản xuất. | ELO6, ELO7, ELO8 |
| CELO5 | Vận dụng hệ thống quản lý rủi ro và yếu tố nguy hiểm để đánh giá rủi ro và mức độ an toàn của cơ sở/ doanh nghiệp sản xuất. | ELO6, ELO7, ELO8 |
| Thái độ | CELO6 | Nhận thức được sự cần thiết của môn học trong chuyên ngành học. Nhận biết trách nhiệm xã hội, tác phong, kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp. | ELO4, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

| **Chuẩn đầu ra****CELO** | **Chỉ báo thực hiện** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| CELO1 | CELO1.1 | Nhận biết được các vấn đề chung về an toàn và vệ sinh môi trường (mối nguy hại, rủi ro, điều kiện lao động, tai nạn lao động) |
| CELO1.2 | Nhận biết các vấn đề chung về an toàn và vệ sinh môi trường (mối nguy hại, rủi ro, điều kiện lao động, tai nạn lao động) |
| CELO1.3 | Trình bày được tầm quan trọng của việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc; Trình bày được các giai đoạn của hệ thống quản lý rủi ro lao động; Trình bày được hệ thống các biện pháp phòng chống tác nhân nguy hiểm và có hại ở nơi lao động (kỹ thuật an toàn lao động và vệ sinh môi trường) |
| CELO2 | CELO2.1 | Vận dụng hiểu biết về các vấn đề chung của an toàn và vệ sinh môi trường nhận biết mối nguy hại ở một cơ sở/doanh nghiệp sản xuất |
| CELO2.2 | Phân biệt và phân loại tai nạn lao động (chấn thương, bệnh nghề nghiệp, nhiễm độc nghề nghiệp) |
| CELO3 | CELO3.1 | Có ý thức về tầm quan trọng về môn học để từ đó có biện pháp bảo vệ bản thân hoặc giáo dục cho mọi người để phòng chồng tai nạn lao động |
| CELO3.2 | Thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình các vấn đề về khoa học chuyên ngành |
| CELO4 | CELO4.1 | Áp dụng được hệ thống quản lý rủi ro và yếu tố nguy hiểm để đánh giá rủi ro và mức độ an toàn của cơ sở/ doanh nghiệp sản xuất. |
| CELO5 | CELO5.1 | Phân biệt được yếu tố nguy hiểm và yếu tố có hại; kỹ thuật an toàn lao động và kỹ thuật vệ sinh môi trường |
| CELO6 | CELO6.1 | thực hiện thành thạo kỹ năng làm việc nhóm. |
| CELO6.2 | Áp dụng các kiến thức môn học nhận diện mối nguy trong môi trường lao động, đánh giá rủi ro, xác định mức độ an toàn và đề ra các biện pháp phòng chống tai nạn lao động. |

**7. Đánh giá học phần**

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tỉ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. Đánh giá quá trình**  | **50** |
| **A1 Đánh giá thái độ học tập** | **25** |
| Tham dự lớp học |  |  | CELO6.1 |  |
| Khả năng tự học |  |  | CELO6.1 |  |
| Làm bài tập đầy đủ |  |  | CELO1.1CELO1.2CELO2.1CELO2.2CELO3.1CELO3.2 CELO4.1CELO5.1CELO6.1CELO6.2 |  |
| A.2 Kiểm tra giữa kỳ |
| Tiểu luận | - Nghiên cứu tình hình an toàn & vệ sinh lao động trong một số ngành nghề | Tuần 5 (Lý thuyết) | CELO1.1CELO1.2CELO2.1CELO2.2CELO3.1CELO3.2 CELO4.1CELO5.1CELO6.1CELO6.2 | 50 |
| **B. Đánh giá kết thúc học phần** | **50** |
| Tự luận: 60 phút | Cho một hình một hoạt động của cơ sở sản xuất, yêu cầu sinh viên phân tích các yếu tố gây nguy hại và xác định mức độ an toàn50 trắc nghiệm về các vấn đề đã học | Theo lịch của PĐBCL | CELO1.1CELO1.2CELO2.1CELO2.2CELO3.1CELO3.2 CELO4.1CELO5.1CELO6.1CELO6.2 | 50 |

**8. Nội dung chi tiết học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tài liệu tham khảo** |
| 1 | **Chương 1**Những vấn đề chung về an toàn vệ sinh môi trường lao động1.1. Tổng quan về bảo hộ lao động1.2. Giời thiệu về điều kiện lao động1.3 Giới thiệu về tai nạn lao động | **Phương pháp giảng dạy:**Thuyết giảng, thảo luận nhóm, trình chiếu**Các nội dung cần tự học:**- Làm bài tập và trả lời các câu hỏi chương 1- Đọc trước chương 2 và phần 1 của chương 3 | CELO1.1 CELO1.2CELO2.1 | [1]  |
| 2 | **Chương 2**Quản lý rủi ro an toàn lao động2.1. Nhận diện mối nguy 2.2. Đánh giá rủi ro theo phương pháp ma rận2.3. Các biện pháp kiểm soát rủi ro.  | **Phương pháp giảng dạy:**Thuyết giảng, thảo luận nhóm, trình chiếu**Các nội dung cần tự học:**- Làm bài tập và trả lời các câu hỏi chương 2- Đọc trước phần 2, 3 chương 3 và phần 1, 2 của chương 4 | CELO1.1CELO1.3CELO2.1 | [1], [2], [3] |
| 3 | Chương 3.**Kỹ thuật an toàn lao động**3.1. Các khái niệm liên quan đến an toàn (vùng nguy hiểm, Khoảng cách an toàn, …)3.2 Kỹ thuật an toàn khi thiết kế và sử dụng máy móc thiết bị3.3. Tín hiệu an toàn, PPE, Ergonomics | **Phương pháp giảng dạy:**Thuyết giảng, thảo luận nhóm, trình chiếu**Các nội dung cần tự học:**- Làm bài tập và trả lời các câu hỏi chương 2, 3- Đọc trước phần 3, 4 chương 4 và phần 1 của chương 5 | CELO1.4 CELO1.5CELO2.1CELO2.2 | [1] |
| 4 | **Chương 4**Kỹ thuật vệ sinh môi trường công nghiệp4.1 Các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm do yếu tố có hại gây ra4.2 Giới thiệu về tác động của yếu tố có hại đến người lao động4.3 Các biện pháp phòng chống các yếu tố có hại | **Phương pháp giảng dạy:**Thuyết giảng, thảo luận nhóm, trình chiếu**Các nội dung cần tự học ở nhà:**- Làm bài tập và trả lời các câu hỏi chương 4, 5- Đọc trước phần 3, 4, 5  | CELO1.6CELO2.2CELO1.7 CELO2.3CELO3.2CELO3.3 | [1], [2], [3], [4] |
| 5 | **Chương 5.**Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 180015.1 Tổng quan về OHSAS 180015.2 Đặc điểm của OHSAS 180015.3 Nội dụng của OHSAS 18001 và các bước thực hiện | **Phương pháp giảng dạy:**Thuyết giảng, thảo luận nhóm, trình chiếu | CELO1.6CELO2.2CELO1.7 CELO2.3CELO3.2CELO3.3 | [1], [2], [3], [4] |
| 6 | **Chương 5Nghiên cứu tình hình an toàn vệ sinh lao động ở các cơ sở sản xuất**1. Nghiên cứu tình hình an toàn vệ sinh lao động ở ngành chế biến gỗ2. Nghiên cứu tình hình an toàn vệ sinh lao động ở ngành chế biến cao su3. Nghiên cứu tình hình an toàn vệ sinh lao động ở ngành cơ khí4. Nghiên cứu tình hình an toàn vệ sinh lao động ở ngành sản xuất gạch | **Phương pháp giảng dạy:**Cho sinh viên đến cơ sở sản xuất khảo sát thực tập và áp dụng môn học |  | [1], [2], [3], [4] |

**9. Quy định của học phần**

- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp

- Tự học tham khảo các tài liệu liên quan đến môn học

- Tham gia tích cực thảo luận trong các buổi học.

+ Các bài tập, bài dịch từ inernet nếu bị phát hiện là sao chép của nhau sẽ bị trừ 100% điểm quá trình, nếu mức độ nghiêm trọng sẽ bị cấm thi cuối kỳ cả người sử dụng bài chép và người cho chép bài.

+ Sinh viên không hoàn thành nhiệm vụ ở mục quy định thời gian tham dự lớp học sẽ bị xử lý theo quy chế trường ĐH TDM.

+ Sinh viên thi hộ thì cả hai người thi hộ và nhờ thi hộ sẽ bị xử lý theo quy chế sinh viên trường đại học Thủ Dầu Một.

**11. Phiên bản chỉnh sửa**

Lần 2, ngày 15/9/2019.

**12. Phụ trách học phần**

- Khoa: Khoa học quản lý/ Chương trình: Bộ môn Khoa học môi trường

- Địa chỉ và email liên hệ: khoakhql@tdmu.edu.vn

- Điện thoại: 02743837803

*Bình Dương, ngày tháng năm*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA GIÁM ĐỐC CTĐT**

**PHỤ LỤC**

**RUBIC CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Thang điểm 10)**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH**

***1. Rubric tham dự lớp - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| **Thời gian tham dự: 25%** | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| **Tham gia hoạt động của giảng viên: 50%** | Tham gia trên 60% hoạt động của giảng viên đề ra | Tham gia 40-60% hoạt động của giảng viên đề ra | Tham gia dưới 40% hoạt động của giảng viên đề ra |
| **Thái độ tham dự: 25%** | Chú ý, tích cực đóng góp (6đ) | Có chú ý và đóng góp (4đ) | Không chú ý/không đóng góp (0đ) |

***1. Rubric khả năng tự học - thang điểm 10***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Hoàn tất nhật ký việc tự học: 20% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |

***3. Rubric bài kiểm tra giữa kỳ - thang điểm 10***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ báo thực hiện** | **TIÊU CHÍ** | **TỐT** | **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| CELO1.1CELO1.2CELO2.1CELO2.2CELO3.1CELO3.2 CELO4.1CELO5.1CELO6.1CELO6.2 | Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm: 40% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |
| Báo cáo: 20% | 80 - 100% (6đ) | 60 - 79% (4đ) | Ít hơn 60% (0 đ) |

**ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN**

***1. Rubric - kiểm tra kết thúc học phần - thang điểm 10***

| **Chỉ báo thực hiện** | **Tiêu chí đánh giá** | **TỐT** | **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CELO1.1CELO1.2CELO2.1CELO2.2CELO3.1CELO3.2 CELO4.1CELO5.1CELO6.1CELO6.2 | Sinh viên trình bày đúng câu hỏi tự luận | 80 - 100% (8-10đ) | 50 - 70% (5-7đ) | Ít hơn 50% (<4 đ) |
| CELO1.1CELO1.2CELO2.1CELO2.2CELO3.1CELO3.2 CELO4.1CELO5.1CELO6.1CELO6.2 | Sinh viên trả lời đúng 50 câu hỏi trắc nghiệm | 80 - 100% (8-10đ) | 50 - 70% (5-7đ) | Ít hơn 50% (<4 đ) |